

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ –
CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6-7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ Phần (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Bốn	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Thanh	Ủy viên
Ông Ly Tai Fong	Ủy viên (đến ngày 31 tháng 7 năm 2013)
Ông Fong Nyuk Loon	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2013)
Ông Ngô Ngọc Thường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 8 năm 2013

Số: 119 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi:

Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 27. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 19 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		443.209.494.420	422.413.235.728
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24.375.136.583	40.323.935.217
1. Tiền	111	5	24.375.136.583	40.323.935.217
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		368.298.908.443	351.184.031.947
1. Phải thu khách hàng	131		59.243.621.300	26.086.469.282
2. Trả trước cho người bán	132		5.910.125.290	17.553.306.962
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	279.834.004.272	287.544.171.501
4. Các khoản phải thu khác	135	7	23.504.002.400	20.192.929.021
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(192.844.819)	(192.844.819)
III. Hàng tồn kho	140	8	9.491.458.704	2.396.307.004
1. Hàng tồn kho	141		9.491.458.704	2.396.307.004
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.043.990.690	28.508.961.560
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.167.707.510	399.142.638
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.797.402.975	8.774.636.040
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	17	2.971.243.387	4.095.216.373
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	17.107.636.818	15.239.966.509
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		218.787.295.196	222.379.839.786
I. Tài sản cố định	220		10.674.412.104	14.689.743.461
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.980.361.386	7.412.618.028
- Nguyên giá	222		18.231.533.082	22.848.760.938
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.251.171.696)	(15.436.142.910)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	5.694.050.718	6.754.916.725
- Nguyên giá	228		11.161.258.530	11.208.448.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.467.207.812)	(4.453.531.805)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	522.208.708
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		192.712.896.509	193.008.816.406
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	41.415.600.000	41.415.600.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	153.334.600.000	153.334.600.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(2.037.303.491)	(1.741.383.594)
III. Tài sản dài hạn khác	260		15.399.986.583	14.681.279.919
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	15.261.986.583	14.681.279.919
2. Tài sản dài hạn khác	268		138.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		661.996.789.616	644.793.075.514

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		377.697.654.256	351.201.593.760
I. Nợ ngắn hạn	310		361.607.660.398	333.622.849.902
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	89.026.137.666	37.442.075.621
2. Phải trả người bán	312		108.727.322.197	84.775.999.499
3. Người mua trả tiền trước	313		14.061.486.501	11.157.054.745
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16,17	1.416.177.585	12.859.780.595
5. Phải trả người lao động	315		5.781.112.025	9.995.282.565
6. Chi phí phải trả	316	18	102.658.103.412	140.647.870.782
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	24.950.290.122	22.735.921.627
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	12.300.307.908	12.909.754.950
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.686.722.982	1.099.109.518
II. Nợ dài hạn	330		16.089.993.858	17.578.743.858
1. Phải trả dài hạn khác	333		339.993.858	328.743.858
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	15.750.000.000	17.250.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		284.299.135.360	293.591.481.754
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	284.299.135.360	293.591.481.754
1. Vốn điều lệ	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.421.558.415	11.421.558.415
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.600.295.812	1.600.295.812
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.902.424.923	5.902.424.923
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.231.242.304	7.366.191.762
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.143.613.906	17.301.010.842
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		661.996.789.616	644.793.075.514

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

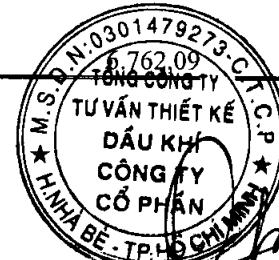
Thuyết minh

30/6/2013

31/12/2012

Ngoại tệ
Đô la Mỹ ("USD")

194.634,00

Lê Quang Thắng
Người lập biểuHồ Khả Thịnh
Kế toán trưởngĐỗ Văn Thánh
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 8 năm 2013

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02-DN


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		184.651.518.041	156.871.175.543
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		184.651.518.041	156.871.175.543
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		153.616.214.682	130.857.234.458
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		31.035.303.359	26.013.941.085
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.849.690.289	5.914.621.523
6. Chi phí tài chính	22	25	4.697.627.714	621.426.948
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.363.509.646	574.821.366
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.979.433.465	14.306.597.744
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+25)	30		7.207.932.469	17.000.537.916
9. Thu nhập khác	31		67.860.066	3.280.101.623
10. Chi phí khác	32		8.205.644	20.006.063
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		59.654.422	3.260.095.560
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.267.586.891	20.260.633.476
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	1.123.972.985	3.993.658.369
14. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		<u>6.143.613.906</u>	<u>16.266.975.107</u>


Lê Quang Thắng
Người lập biểu


Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 8 năm 2013

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.267.586.891	20.260.633.476
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.174.346.310	1.656.478.995
Các khoản dự phòng	03	295.919.897	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.857.872.107)	(5.891.532.479)
Chi phí lãi vay	06	4.363.509.646	574.821.366
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.243.490.637	16.600.401.358
Thay đổi các khoản phải thu	09	(15.339.977.803)	(5.099.626.448)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(7.095.151.700)	(780.718.450)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(31.362.614.307)	(121.051.774.106)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(8.233.983.135)	(861.418.948)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.354.238.485)	(574.821.366)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(9.496.710.965)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	169.880.436	4.513.436.772
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(138.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(54.110.594.357)	(116.751.232.153)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.046.457.354)	(4.374.036.708)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	8.181.818	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	-	(20.412.143.733)
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	109.690.289	2.047.682.686
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(928.585.247)	(22.738.497.755)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	81.250.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	92.760.984.317	31.921.445.382
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(42.676.922.272)	(24.100.718.501)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(10.993.681.075)	(35.210.223.636)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	39.090.380.970	53.860.503.245
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(15.948.798.634)	(85.629.226.663)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.323.935.217	126.575.495.036
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	24.375.136.583	40.946.268.373

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm 1.506.318.925 đồng (cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012: 8.480.754.364 đồng), là số tiền phải trả cổ tức chưa được thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 1.740.000.000 đồng (cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012: 4.332.000.000 đồng) là số tiền cổ tức còn phải thu từ các công ty con phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2013. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ (tiếp theo)

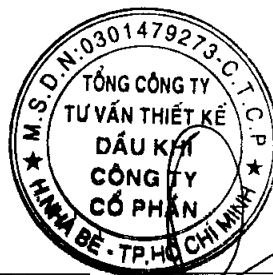
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ bao gồm khoản tiền chi cho tài sản mua chưa thanh toán từ năm 2012 là 704.954.000 đồng và khoản tiền thanh toán cho việc mua thêm tài sản trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013 là 341.503.354 đồng.



Lê Quang Thắng
Người lập báo cáo



Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 8 năm 2013

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301479273 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Trước đây, Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”). Theo Nghị quyết số 1894/NQ-DKVN ngày 09 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng thành viên Petro Việt Nam, Công ty được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và đã thực hiện việc đăng ký chuyển đổi tên thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 383 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 390 người).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán).
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác.
- Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở).
- Khảo sát xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cơ điện công trình dân dụng, công nghiệp đến nhóm B, điện áp $\leq 22\text{KV}$, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp.
- Kiểm định chất lượng xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC)).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty. Do đó các khoản đầu tư vào các công ty con được hạch toán theo phương pháp giá gốc như trình bày tại Thuyết minh số 4 bên dưới.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược, và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nhận ký quỹ, ký cược, và các khoản vay và nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm thiết kế và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tám (8) năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một (1) năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) năm.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối trên 50% tương ứng với quyền kiểm soát, hoặc là một công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con phát sinh lỗ.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một (1) năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	19.354.085.433	18.823.544.204
Tiền gửi ngân hàng	5.021.051.150	21.500.391.013
	<u>24.375.136.583</u>	<u>40.323.935.217</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

Chi tiết phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	65.502.006.517	84.267.552.223
Dự án Lô B Ô Môn mới	60.467.157.424	84.476.759.062
Dự án cung cấp nhân lực Hợp đồng 38/Technip-PVE/MPS/FEED-NCS2	35.694.670.000	14.574.771.200
Dự án cung cấp dịch vụ thiết kế công trình "Dự án Sư tử Vàng"	32.152.227.450	40.019.492.203
Dự án Cầu bánh xích 250 tấn - Hợp đồng 1769-2012/PTSCMC-KH/MHH	24.197.246.053	-
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	21.323.374.635	21.323.374.635
Dự án Phát Triển Mô Thái Bình	6.774.067.479	16.340.749.914
Dự án thiết kế FEED dự án mỏ Rạng Đông Enhanced Oil Recovery	4.951.645.054	-
Dự án GDC Ô Môn ra Rạch Chanh	3.921.114.364	3.921.114.364
Dự án Nhà máy sản xuất bình bồn dầu khí	3.128.206.812	3.128.206.812
Dự án sửa chữa giàn MSP10 HD 40B/2011/HDKT	2.459.974.619	-
Dự án sản xuất và sử dụng khí LNG/ CNG cho động cơ	2.197.936.364	-
Dự án Tuyến ống kết nối Đông Tây Nam Bộ	1.763.528.419	1.763.528.419
Dự án xây dựng nhà máy chế tạo ống thép tại KCN Soài Rạp	1.701.909.711	1.701.909.711
Dự án sửa chữa giàn MSP 10 HD 59/2012/HDKT	1.594.874.357	-
Dự án thiết kế chi tiết TBVN FBSO	1.520.558.575	-
Dự án thiết kế FEED cho nhà máy xử lý khí Cà Mau	1.490.360.407	1.490.360.407
Dự án hợp đồng tồn đọng của VSP HD 0881/11/T-N3/VSP8	1.106.943.286	2.513.787.468
Dự án LPG lạnh Bà Rịa - Vũng Tàu	833.616.955	833.616.955
Dự án Tư vấn Thiết kế Nhà máy Quảng Trạch 1	777.272.728	727.946.315
Dự án mỏ Hàm Rồng - Thái Bình, lô 102 & 106	686.560.725	1.627.510.725
Dự án Thiết kế Non-Technical NM Polyester Đình Vũ	488.303.909	1.060.110.909
Các dự án khác	5.100.448.429	7.773.380.179
	279.834.004.272	287.544.171.501

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần ("PV Gas")	10.274.384.022	10.274.384.022
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng tại Citi plaza	2.659.600.882	3.059.600.882
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	4.795.667.856	2.160.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	2.478.116.040	1.200.000.000
Khác	3.296.233.600	3.498.944.117
	23.504.002.400	20.192.929.021

Khoản phải thu từ PV Gas thể hiện khoản lợi nhuận năm 2011 và 2012 được chia từ khoản đầu tư vào dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" mà PV Gas là nhà điều hành. Như trình bày tại Thuyết minh số 13, các bên đầu tư vốn chưa thống nhất lại phương pháp phân chia lợi nhuận của hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Do đó, Công ty chưa ghi nhận lãi được chia từ dự án này cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013.

Khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE và Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE - các công ty con là các khoản cổ tức năm 2011, 2012 được chia và tiền thuê văn phòng phải thu.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ	12.493.529	12.493.529
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.478.965.175	2.383.813.475
	<u>9.491.458.704</u>	<u>2.396.307.004</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tài sản ngắn hạn khác thể hiện các khoản tạm ứng để thực hiện các dự án của Công ty chưa được hoàn ứng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	4.428.220.997	4.898.018.842	7.749.395.857	5.773.125.242	22.848.760.938
Tăng trong kỳ	-	-	117.699.622	-	117.699.622
Chuyển từ XDCB	-	-	746.012.440	-	746.012.440
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(421.416.000)	(421.416.000)
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn	-	(720.431.311)	(4.271.892.607)	-	(4.992.323.918)
Giảm khác	-	-	(67.200.000)	-	(67.200.000)
Tại ngày 30/6/2013	<u>4.428.220.997</u>	<u>4.177.587.531</u>	<u>4.274.015.312</u>	<u>5.351.709.242</u>	<u>18.231.533.082</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	3.454.029.059	4.704.866.912	3.168.477.984	4.108.768.955	15.436.142.910
Khấu hao trong kỳ	111.260.802	31.156.594	749.783.029	248.110.878	1.140.311.303
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(421.416.000)	(421.416.000)
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn	-	(710.214.268)	(2.193.652.249)	-	(2.903.866.517)
Tại ngày 30/6/2013	<u>3.565.289.861</u>	<u>4.025.809.238</u>	<u>1.724.608.764</u>	<u>3.935.463.833</u>	<u>13.251.171.696</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	<u>862.931.136</u>	<u>151.778.293</u>	<u>2.549.406.548</u>	<u>1.416.245.409</u>	<u>4.980.361.386</u>
Tại ngày 01/01/2013	<u>974.191.938</u>	<u>193.151.930</u>	<u>4.580.917.873</u>	<u>1.664.356.287</u>	<u>7.412.618.028</u>

Tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với nguyên giá là 6.366.322.959 đồng (năm 2012: 7.702.163.813 đồng).

Theo Thông tư 45 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, tài sản không đủ tiêu chuẩn theo dõi như tài sản cố định với nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn với tổng giá trị kết chuyển theo giá trị còn lại là 2.088.457.401 đồng và được phân bổ trong vòng 3 năm từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**Phần mềm
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2013

11.208.448.530

Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn

(47.190.000)

Tại ngày 30/6/2013

11.161.258.530**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2013

4.453.531.805

Khấu hao trong năm

1.034.035.007

Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn

(20.359.000)

Tại ngày 30/6/2013

5.467.207.812**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 30/6/2013

5.694.050.718

Tại ngày 01/01/2013

6.754.916.725

Tài sản cố định vô hình bao gồm một số phần mềm thiết kế đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với nguyên giá là 1.459.946.460 đồng (năm 2012: 1.459.946.460 đồng).

Theo Thông tư 45 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, tài sản không đủ tiêu chuẩn theo dõi như tài sản cố định vô hình có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn với tổng giá trị kết chuyển theo giá trị còn lại là 26.831.000 đồng và được phân bổ trong vòng 3 năm từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết đầu tư vào các công ty con của Công ty bao gồm:

	30/6/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý Dự án Dầu khí PVE	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí	11.415.600.000	11.415.600.000
	<u>41.415.600.000</u>	<u>41.415.600.000</u>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE	Thành phố Hồ Chí Minh	91,46%	91,46%	Tư vấn quản lý các dự án chuyên ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	Thành phố Hồ Chí Minh	86,75%	86,75%	Kiểm định và dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	Thành phố Hà Nội	44,39%	44,39%	Xây dựng công trình dân dụng và chuyên dụng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Theo Nghị quyết số 10004/NQ-DKVN ngày 04 tháng 11 năm 2010, Petro Việt Nam đã chấp thuận việc chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Dầu khí (“PCIC”) cho Công ty. Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của PCIC, nhưng theo thỏa thuận, Công ty có quyền kiểm soát PCIC vì Công ty có quyền bỏ đa số phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Theo đó, PCIC là công ty con của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào PCIC là 2.037.303.491 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.741.383.594 đồng) do kết quả kinh doanh lỗ của PCIC trong 6 tháng đầu năm 2013 và năm 2012. Việc trích lập được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty với các bên gồm Tổng Công ty khí Việt Nam (gọi tắt là “PV Gas”) và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (gọi tắt là “Phú Long”), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower” trên diện tích đất 7.441 m² tại địa điểm số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng mức đầu tư dự kiến là 827 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của PV Gas, Công ty và Phú Long lần lượt là 70%, 20% và 10%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, tiến độ góp vốn Công ty đã thực hiện như sau:

	Số vốn cam kết góp theo hợp đồng VND	Số vốn thực góp 30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower	<u>165.400.000.000</u>	<u>153.334.600.000</u>	<u>153.334.600.000</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động nhưng chưa có giá trị quyết toán cuối cùng được các bên đầu tư vốn thống nhất. Do đó, Công ty chưa góp số vốn còn lại theo cam kết góp vốn.

Công ty đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này và các phụ lục hợp đồng kèm theo để thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh số 21).

Tại ngày 14 tháng 6 năm 2013, đại diện của các bên đầu tư đã họp bàn về “Phương án kinh doanh cao ốc văn phòng Dragon Tower”. Theo đó, Công ty đề nghị chuyển đổi từ phương pháp phân chia lợi nhuận hiện hữu sang phương pháp kết hợp cả hình thức phân chia sản phẩm và phân chia doanh thu – chi phí. Đến ngày lập báo cáo này, các bên đầu tư vốn chưa thống nhất lại phương pháp phân chia lợi nhuận của khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013 VND	2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	14.681.279.919	18.350.686.260
Tăng trong kỳ	-	2.280.464.638
Kết chuyển từ tài sản cố định	2.115.288.401	-
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ	<u>(1.534.581.737)</u>	<u>(5.949.870.979)</u>
Tại ngày 30 tháng 6 và tại ngày 31 tháng 12	<u>15.261.986.583</u>	<u>14.681.279.919</u>

Tại ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 45 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, các tài sản có giá trị ghi sổ tại ngày 10 tháng 6 năm 2013 dưới 30 triệu đồng sẽ được theo dõi như khoản chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong thời gian không quá 3 năm.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	86.026.137.666	34.442.075.621
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	3.000.000.000	3.000.000.000
	<u>89.026.137.666</u>	<u>37.442.075.621</u>

Chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	69.793.618.151	13.316.391.107
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	16.232.519.515	21.125.684.514
	<u>86.026.137.666</u>	<u>34.442.075.621</u>

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với mức dư nợ tối đa là 150 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0098/KH/13NH ngày 03 tháng 5 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với thời hạn rút vốn kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2014. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với mức dư nợ tối đa là 40 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20/2013/94203 ngày 03 tháng 4 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi với thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất và kỳ hạn trả lãi được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.

Công ty còn bảo đảm bằng Chứng thư bảo lãnh số 70/PVE-TCKT ngày 19 tháng 3 năm 2012 cho khoản vay với trị giá khoản vay là 30 tỷ đồng và Chứng thư bảo lãnh số 589/PVD-BL ngày 08 tháng 4 năm 2013 với trị giá khoản vay là 50 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE – Công ty con. Ngoài ra, Tổng công ty còn bảo đảm bằng Chứng thư bảo lãnh số 746/PVE-TCKT ngày 23 tháng 4 năm 2012 và Chứng thư bảo lãnh số 582/PVE-TCKT ngày 08 tháng 4 năm 2013 cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE – Công ty con với trị giá khoản vay là 20 tỷ đồng cho mỗi chứng thư. Các khoản vay của Công ty con từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	6.868.727	20.242.690
Tiền thuê đất	1.041.480.540	1.236.689.300
Thuế thu nhập cá nhân	366.849.118	11.601.869.405
Thuế khác	979.200	979.200
	<u>1.416.177.585</u>	<u>12.859.780.595</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	31/12/2012 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	30/6/2013 VND
1 - Thuế GTGT phải nộp	20.242.690	17.168.141.548	17.181.515.511	6.868.727
a - Thuế GTGT hàng bán nội địa	20.242.690	10.524.106.296	10.537.480.259	6.868.727
b - Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.306.490.921	3.306.490.921	-
c - Thuế GTGT nộp hộ nhà thầu	-	3.337.544.331	3.337.544.331	-
2 - Thuế xuất nhập khẩu	-	170.044.746	170.044.746	-
3 - Thuế TNDN	(4.095.216.373)	4.455.613.947	3.331.640.961	(2.971.243.387)
a - Thuế TNDN SXKD	(4.095.216.373)	1.123.972.986	-	(2.971.243.387)
b - Thuế TNDN nộp hộ nhà thầu	-	3.331.640.961	3.331.640.961	-
4 - Tiền thuế đất	1.236.689.300	-	195.208.760	1.041.480.540
5 - Thuế thu nhập cá nhân	11.601.869.405	6.207.222.497	17.442.242.784	366.849.118
6 - Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
7 - Thuế khác	979.200	-	-	979.200
Tổng cộng	8.764.564.222	28.005.022.738	38.324.652.762	(1.555.065.802)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>				
<i>(xem Thuyết minh số 16)</i>	<i>12.859.780.595</i>			<i>1.416.177.585</i>
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	<i>(4.095.216.373)</i>			<i>(2.971.243.387)</i>

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu với số tiền 2.971.243.387 đồng được trình bày trên khoản “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.095.216.372 đồng).

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	32.632.657.930	32.143.080.297
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	25.622.678.712	44.026.906.797
Dự án cung cấp dịch vụ thiết kế công trình "Dự án Sư tử Vàng"	13.066.861.589	20.009.746.102
Dự án mỏ Thái Bình	7.807.958.984	13.147.341.752
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	3.386.672.744	3.386.672.744
Dự án GDC Ô Môn ra Rạch Chanh	3.548.156.027	11.739.720.909
Dự án lắp đặt phòng ở bổ sung trên mái BM7 giàn Mỏ Rồng	2.459.974.619	-
Dự án phục hồi sơn chống ăn mòn kết cấu kim loại MSP 10	2.148.650.175	-
Dự án sửa chữa kết cấu kim loại phần trên giàn MSP10	1.428.248.987	-
Dự án nhiệt điện Sông Hậu	1.200.000.000	1.200.000.000
Công trình thi công Nhà máy lọc dầu Dung Quất		
Hợp đồng 984/LILAMA	1.185.963.105	1.185.963.105
Hợp đồng tồn đọng của VSP HĐ 0881/11/T-N3/VSP8	1.149.148.612	2.513.787.468
Các dự án khác và chi phí khác	7.021.131.928	11.294.651.608
	102.658.103.412	140.647.870.782

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC, PHẢI NỢ KHÁC**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Cổ tức phải trả cổ đông	9.987.073.289	8.480.754.364
Khoản phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.874.216.650	4.874.216.650
Nguồn kinh phí sự nghiệp	2.513.000.000	2.513.000.000
Khác	7.576.000.183	6.867.950.613
	24.950.290.122	22.735.921.627

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành công trình, với tỉ lệ từ 3% đến 5% giá trị hợp đồng xây lắp, trong thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành cho khách hàng.

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	12.909.754.950	10.537.297.079
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ/năm	-	11.865.022.470
Hoàn nhập dự phòng	-	(9.492.564.599)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(609.447.042)	-
Tại ngày 30 tháng 6 và tại ngày 31 tháng 12	12.300.307.908	12.909.754.950

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng dài hạn với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “VCB Hồ Chí Minh”) với hạn mức 90 tỷ đồng và thời hạn vay là chín mươi sáu (96) tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là để thanh toán một phần vốn góp để đầu tư dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn để kinh doanh bất động sản bằng Đồng Việt Nam do VCB Hồ Chí Minh công bố vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất (ba tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên) và được trả hàng quý. Dư nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 18.750.000.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.250.000.000 đồng).

Công ty sử dụng quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, giữa Công ty với các bên Tổng Công ty khí Việt Nam (“PV Gas”) và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (“Phú Long”), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower”, để thế chấp cho khoản vay này. Tài sản thế chấp được định giá là 151 tỷ đồng.

Toàn bộ khoản nợ vay được trả trong 29 kỳ trả nợ gốc theo lịch biểu như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	3.000.000.000	3.000.000.000
Trong năm thứ hai	3.000.000.000	3.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.000.000.000	9.000.000.000
Sau năm năm	3.750.000.000	5.250.000.000
	18.750.000.000	20.250.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	15.750.000.000	17.250.000.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành tại cuối năm	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	72.500.000.000	72.500.000.000
Technip Geoproduction Sdh Bhd	25.000.000.000	25.000.000.000
Ông Đỗ Đức Hiếu	21.496.690.000	12.785.940.000
Vietnam Equity Holding	14.826.675.000	14.826.675.000
Vietnam Holding Limited	-	19.259.400.000
Các cổ đông khác	116.176.635.000	105.627.985.000
	<u>250.000.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	180.000.000.000	321.888.415	1.600.295.812	4.224.799	5.902.424.923	4.892.901.528	22.465.804.689	215.187.540.166
Tăng vốn trong năm	70.000.000.000	11.250.000.000	-	-	-	-	-	81.250.000.000
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	2.473.290.234	(6.265.804.689)	(3.792.514.455)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)	(16.200.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(4.224.799)	-	-	-	(4.224.799)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	17.301.010.842	17.301.010.842
Giảm khác	-	(150.330.000)	-	-	-	-	-	(150.330.000)
Tại ngày 31/12/2012	250.000.000.000	11.421.558.415	1.600.295.812	-	5.902.424.923	7.366.191.762	17.301.010.842	293.591.481.754
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	1.000.000.000	865.050.542	(4.801.010.842)	(2.935.960.300)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.143.613.906	6.143.613.906
Tại ngày 30/6/2013	250.000.000.000	11.421.558.415	1.600.295.812	-	6.902.424.923	8.231.242.304	6.143.613.906	284.299.135.360

Theo Nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty, Công ty đã công bố chia tổng số cổ tức là 12,5 tỷ đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 với tỉ lệ là 5%/mệnh giá mỗi cổ phần. Trong kỳ, Công ty đã chi cổ tức với số tiền là 10.993.681.075 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, phần cổ tức chưa được chi trả cho các cổ đông là 9.987.073.289 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 8.480.754.364 đồng)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã thực hiện trích các quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2013 với số tiền lần lượt là 865.050.542 đồng, 2.685.960.300 đồng và 250.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/ 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.990.090	27.514.540.896
Chi phí nhân công	50.547.344.939	81.203.896.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.174.346.310	1.656.478.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.683.378.190	50.158.696.337
Chi phí khác	73.796.777.087	22.099.950.889
	184.236.836.616	182.633.563.784

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.740.000.000	4.332.000.000
Lãi tiền gửi	109.690.289	1.579.538.542
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.082.981
	1.849.690.289	5.914.621.523

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền vay	4.363.509.646	574.821.366
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	295.919.897	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.654.105	46.605.582
Khác	544.066	-
	4.697.627.714	621.426.948

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	7.267.586.891	20.260.633.476
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(1.740.000.000)	(4.332.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	422.522.253	46.000.000
Thu nhập chịu thuế	5.950.109.144	15.974.633.476
Lỗ kết chuyển	(1.454.217.206)	-
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.123.972.985	3.993.658.369

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty sử dụng các khoản lỗ tính thuế là 1.454.217.206 đồng của năm 2012 để khấu trừ vào lợi nhuận trong kỳ khi tính thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này."

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/ 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 21 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay	104.776.137.666	54.692.075.621
Trừ: Tiền	24.375.136.583	40.323.935.217
Nợ thuần	80.401.001.083	14.368.140.404
Vốn chủ sở hữu	284.299.135.360	293.591.481.754
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	28%	5%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	24.375.136.583	40.323.935.217
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ và phải thu khác	360.064.679.318	333.630.724.986
Các khoản ký quỹ, ký cược	138.000.000	169.880.436
Các khoản đầu tư dài hạn khác	153.334.600.000	153.334.600.000
Tổng cộng	537.912.415.901	527.459.140.639
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	138.358.398.739	113.778.779.200
Chi phí phải trả	102.658.103.412	140.647.870.782
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	339.993.858	328.743.858
Các khoản vay và nợ	104.776.137.666	54.692.075.621
Tổng cộng	346.132.633.675	309.447.469.461

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/ 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đầu tư), rủi ro tín dụng, và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chủ yếu thực hiện các giao dịch bằng Đồng Việt Nam nên Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của ngoại tệ là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính”, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2013 sẽ giảm/ tăng 2.095.522.753 đồng (2012: 1.093.841.512 đồng).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế <u>VND</u>
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2013		
VND	200	(2.095.522.753)
VND	-200	2.095.522.753
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	200	(1.093.841.512)
VND	-200	1.093.841.512

Quản lý rủi ro về đầu tư

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Các khoản đầu tư vào các công ty con và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/ 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2013				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	24.375.136.583	-	-	24.375.136.583
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ và phải thu khác	360.064.679.318	-	-	360.064.679.318
Các khoản ký quỹ, ký cược	-	138.000.000	-	138.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	153.334.600.000	153.334.600.000
Tổng cộng	384.439.815.901	138.000.000	153.334.600.000	537.912.415.901
Phải trả người bán và phải trả khác	138.358.398.739	-	-	138.358.398.739
Chi phí phải trả	102.658.103.412	-	-	102.658.103.412
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	339.993.858	-	339.993.858
Các khoản vay và nợ	89.026.137.666	12.000.000.000	3.750.000.000	104.776.137.666
Tổng cộng	330.042.639.817	12.339.993.858	3.750.000.000	346.132.633.675
Chênh lệch thanh khoản thuần	54.397.176.084	(12.201.993.858)	149.584.600.000	191.779.782.226

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/ 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	40.323.935.217	-	-	40.323.935.217
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiền độ và phải thu khác	333.630.724.986	-	-	333.630.724.986
Các khoản đầu tư dài hạn	-	-	153.334.600.000	153.334.600.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	169.880.436	-	-	169.880.436
Tổng cộng	374.124.540.639	-	153.334.600.000	527.459.140.639
Phải trả người bán và phải trả khác	113.778.779.200	-	-	113.778.779.200
Chi phí phải trả	140.647.870.782	-	-	140.647.870.782
Các khoản vay và nợ	37.442.075.621	12.000.000.000	5.250.000.000	54.692.075.621
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	328.743.858	-	328.743.858
Tổng cộng	291.868.725.603	12.328.743.858	5.250.000.000	309.447.469.461
Chênh lệch thanh khoản thuần	82.255.815.036	(12.328.743.858)	148.084.600.000	218.011.671.178

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	103.031.390.207	49.458.288.556
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	21.119.898.800	-
Mua hàng hóa/ cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	7.525.849.632	18.464.016.255
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	643.300.000	5.564.795.074
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	1.602.290	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	105.406.526
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	22.037.349.711	31.715.636.193
Cổ tức/lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	900.000.000	2.160.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	840.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	-	972.000.000

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lương	1.290.657.635	1.808.037.315
Tiền thưởng	132.634.500	270.015.000
	1.423.292.135	2.078.052.315

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè

Báo cáo tài chính riêng


Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	162.203.289	106.242.400
Các đơn vị thành viên PetroVietnam	52.903.443.303	16.668.867.526
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	4.795.667.856	2.184.382.656
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	2.478.116.040	1.121.931.189
PV Gas	10.274.384.022	10.274.384.022
Tập đoàn dầu khí	<u>294.150.772</u>	<u>-</u>
Ứng trước nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	484.167.600	7.840.725.261
Viện Dầu khí Việt Nam	144.230.903	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam	91.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	<u>-</u>	<u>3.496.397.937</u>
Phải trả nhà cung cấp		
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	391.389.307	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	265.153.757	263.551.467
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	260.197.480	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	146.551.029	146.551.029
Các đơn vị thành viên PetroVietnam	<u>48.290.321.144</u>	<u>47.249.186.550</u>
Ứng trước từ khách hàng		
Các đơn vị thành viên PetroVietnam	<u>12.916.443.747</u>	<u>24.723.272.687</u>
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	68.921.711	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	32.166.750	206.792.175
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	<u>4.874.216.650</u>	<u>4.874.216.650</u>


Lê Quang Thắng
 Người lập biểu


Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng


Đỗ Văn Thanh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 19 tháng 8 năm 2013
